

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 26
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122140001	Lê Văn Đức	Anh	25/03/2003	CCQ2214A	8	5.6	6.6
2	2122140061	Nguyễn Hoàng	Anh	26/06/2004	CCQ2214B	0		0.0
3	2122140018	Đặng Hữu	Bằng	13/03/2003	CCQ2214A	8.1	6.4	7.1
4	2120100312	Trương Ngọc	Diệp	31/07/2002	CCQ2010B	7.4	5.8	6.4
5	2122140032	Huỳnh Quang	Duy	18/11/2004	CCQ2214A	7.3	6.2	6.6
6	2122140026	Mai Tấn	Đạt	30/01/2004	CCQ2214A	7.3	7.2	7.2
7	2122140063	Phan Đức	Đạt	10/04/2005	CCQ2214B	7.5	6.6	7.0
8	2122140033	Trần Đức	Đạt	14/06/2004	CCQ2214A	7	7.0	7.0
9	2122140047	Văn Bá	Đặng	11/04/2004	CCQ2214B	7.6	6.4	6.9
10	2122140044	Phạm Văn	Đặng	16/03/2004	CCQ2214B	8.2	6.2	7.0
11	2122140025	Lê Thanh	Đông	22/11/2004	CCQ2214A	7.5	6.8	7.1
12	2122140052	Trần Đại	Đồng	22/02/2004	CCQ2214B	7.8	7.6	7.7
13	2122140066	Hà Trường	Giang	20/07/2004	CCQ2214B	8.7	7.0	7.7
14	2122140045	Phạm Ngọc	Hải	14/07/2004	CCQ2214B	7.8	7.0	7.3
15	2122140056	Phạm Quý	Hải	03/10/2004	CCQ2214B	8	7.2	7.5
16	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B	8.6	6.4	7.3
17	2122140058	Nguyễn Thanh	Hậu	14/02/2003	CCQ2214B	0		0.0
18	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2214A	0		0.0
19	2122140029	Lê Đức	Hiệu	04/11/2004	CCQ2214A	7.7	6.8	7.2
20	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	CCQ2214B	5.7	6.6	6.2
21	2122140049	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B	8.4	6.4	7.2
22	2119170580	Võ Quốc	Hoàng	09/08/2001	CCQ1917Q	7.1	5.8	6.3
23	2122140062	Phạm Xuân	Hùng	02/10/2004	CCQ2214B	8.4	7.4	7.8
24	2122140059	Nguyễn Quang	Hưng	10/07/2004	CCQ2214B	8	6.0	6.8
25	2122110224	Nguyễn Quốc	Hưng	09/12/2004	CCQ2214B	7.6	5.8	6.5

26	2122140031	Lê Hùng	Kháng	07/02/2004	CCQ2214A	7.4	7.0	7.2
27	2122140002	Đào Văn	Khương	08/06/2004	CCQ2214A	7.6	7.4	7.5
28	2122140010	Nguyễn Văn	Lan	17/06/2004	CCQ2214A	7.6	6.4	6.9
29	2122140011	Nguyễn Công	Lâm	18/01/2004	CCQ2214A	7.8	6.4	7.0
30	2122140004	Văn Công	Lâm	16/09/2004	CCQ2214A	8.2	6.2	7.0
31	2122140042	Huỳnh Quang	Linh	17/01/2004	CCQ2214B	7.7	7.2	7.4
32	2122140028	Võ Minh	Lộc	20/05/2004	CCQ2214A	7.9	7.2	7.5
33	2122140023	Huỳnh	Lợi	06/08/2004	CCQ2214A	8.5	6.2	7.1
34	2122140017	Phan Văn	Lưu	19/07/2004	CCQ2214A	8.2	6.8	7.4
35	2122140021	Nguyễn Thành	Nam	14/10/2004	CCQ2214A	7.8	5.2	6.2
36	2122140022	Nguyễn Hồng	Ngọc	03/11/2003	CCQ2214A	8.4	7.2	7.7
37	2122140036	Hồ Phạm Minh	Nhật	21/07/2004	CCQ2214B	7.3	6.4	6.8
38	2122140053	Trần	Nhật	13/01/2004	CCQ2214B	7.1	7.0	7.0
39	2122140055	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/06/2004	CCQ2214B	7.2	5.8	6.4
40	2122140007	Nguyễn Đình	Phương	03/07/2003	CCQ2214A	6.9	6.4	6.6
41	2122140041	Phan Văn	Phương	03/12/2004	CCQ2214B	6.6	6.4	6.5
42	2122140057	Mai Chiếm	Quân	01/07/2004	CCQ2214B	7.6	6.6	7.0
43	2122140040	Trần Văn	Quốc	01/02/2002	CCQ2214B	6.9	5.4	6.0
44	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật	Sang	02/06/2004	CCQ2214A	7.5	7.0	7.2
45	2122140019	Nguyễn Công	Tây	21/05/2003	CCQ2214A	0		0.0
46	2118270227	Nguyễn Thị Như	Thảo	01/01/2000	CCQ1827C	8.5	6.2	7.1
47	2122140038	Lê Nhật	Thắng	09/07/2003	CCQ2214B	6.4	7.2	6.9
48	2122140048	Trần Đình	Thắng	13/02/2004	CCQ2214B	0		0.0
49	2122140013	Tô Minh	Thi	04/02/2004	CCQ2214A	7.7	6.6	7.0
50	2122140024	Nguyễn Hữu	Thịnh	17/07/2004	CCQ2214A	7.9	6.4	7.0
51	2122140050	Nguyễn Thành	Thơ	03/02/2004	CCQ2214B	0		0.0
52	2122140043	Trần Minh	Tiến	08/12/2004	CCQ2214B	7.9	5.8	6.6
53	2122140014	Hà Trung	Tín	13/10/2004	CCQ2214A	6.9	6.8	6.8
54	2122140037	Huỳnh Trọng	Tĩnh	06/05/2004	CCQ2214B	8.2	6.8	7.4
55	2122140034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/12/2003	CCQ2214A	7.2	7.4	7.3
56	2122140003	Huỳnh Văn	Trung	12/04/2004	CCQ2214A	7.5	7.4	7.4
57	2122140016	Lê Quốc	Trung	17/02/2004	CCQ2214A	7.8	6.0	6.7
58	2122140008	Nguyễn Đình	Tuấn	21/12/1997	CCQ2214A	0		0.0
59	2122140039	Nguyễn Hữu	Tỷ	18/05/2004	CCQ2214B	8.2	7.2	7.6
60	2122140006	Đặng Nguyên Huy	Viễn	16/12/2003	CCQ2214A	8.8	7.0	7.7

61	2122170346	Bùi Thanh	Viên	19/08/2004	CCQ2214B	0		0.0
62	2122140009	Lê Ngọc	Viên	18/01/2004	CCQ2214A	6.8	7.0	6.9
63	2122140030	Ngô Hoàng	Vinh	09/10/2000	CCQ2214A	8.6	6.4	7.3
64	2122140035	Trần Hoài	Vinh	02/03/2004	CCQ2214B	8.6	6.0	7.0
65	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	CCQ2214A	7.8	7.4	7.6
66	2122140065	Nguyễn Văn	Vỹ	26/04/2004	CCQ2214B	8.2	6.8	7.4
67								
68								
69								
70								
71								
72								
73								
74								
75								
76								
77								
78								
79								
80								
81								

Tp. Thủ Đức, ngày 10 tháng 10 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 26
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122140001	Lê Văn Đức	Anh	25/03/2003	CCQ2214A	7.0	7.0	6.0	9.0	9.0	8.0	
2	2122140061	Nguyễn Hoàng	Anh	26/06/2004	CCQ2214B						0.0	
3	2122140018	Đặng Hữu	Bằng	13/03/2003	CCQ2214A	6.5	6.0	6.5	9.7	9.0	8.1	
4	2120100312	Trương Ngọc	Diệp	31/07/2002	CCQ2010B	9.0	6.5		9.3	9.0	7.4	
5	2122140032	Huỳnh Quang	Duy	18/11/2004	CCQ2214A	8.0	6.5	5.5	6.7	9.0	7.3	
6	2122140026	Mai Tấn	Đạt	30/01/2004	CCQ2214A	8.5	7.5	7	7	7	7.3	
7	2122140063	Phan Đức	Đạt	10/04/2005	CCQ2214B	7.0	6.0	7.5	7.0	9.0	7.5	
8	2122140033	Trần Đức	Đạt	14/06/2004	CCQ2214A	7.0	6.5	7.5	7.0	7.0	7.0	
9	2122140047	Văn Bá	Đặng	11/04/2004	CCQ2214B	8.0	7.0	6.5	6.7	9.0	7.6	
10	2122140044	Phạm Văn	Đặng	16/03/2004	CCQ2214B	9.0	7.5	5.5	8.7	9.0	8.2	
11	2122140025	Lê Thanh	Đông	22/11/2004	CCQ2214A	8.5	6.0	6.0	8.0	8.0	7.5	
12	2122140052	Trần Đại	Đồng	22/02/2004	CCQ2214B	7.0	6.5	5.5	8.7	9.0	7.8	
13	2122140066	Hà Trường	Giang	20/07/2004	CCQ2214B	9.0	6.5	6.5	9.3	10.0	8.7	
14	2122140045	Phạm Ngọc	Hải	14/07/2004	CCQ2214B	7.0	7.0	7.0	7.7	9.0	7.8	
15	2122140056	Phạm Quý	Hải	03/10/2004	CCQ2214B	9.0	6.0	5.5	8.7	9.0	8.0	
16	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B	8.5	6.0	6.5	9.7	10.0	8.6	
17	2122140058	Nguyễn Thanh	Hậu	14/02/2003	CCQ2214B						0.0	
18	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2214A						0.0	
19	2122140029	Lê Đức	Hiệu	04/11/2004	CCQ2214A	9.0	7.0	6.5	7.7	8.0	7.7	
20	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	CCQ2214B	6.0	5.5	5.5	2.3	9.0	5.7	
21	2122140049	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B	7.0	7.0	7.0	10.0	9.0	8.4	
22	2119170580	Võ Quốc	Hoàng	09/08/2001	CCQ1917Q	9.0	6.5	6.5	5.0	9.0	7.1	
23	2122140062	Phạm Xuân	Hùng	02/10/2004	CCQ2214B	9.0	7.0	6.5	9.0	9.0	8.4	
24	2122140059	Nguyễn Quang	Hưng	10/07/2004	CCQ2214B	9.0	5.0	6.5	8.7	9.0	8.0	
25	2122110224	Nguyễn Quốc	Hưng	09/12/2004	CCQ2214B	7.0	5.5	6.5	9.0	8.0	7.6	
26	2122140031	Lê Hùng	Kháng	07/02/2004	CCQ2214A	9.0	7.0	7.0	5.3	9.0	7.4	

27	2122140002	Đào Văn Khương	08/06/2004	CCQ2214A	8.0	6.0	7.5	9.0	7.0	7.6
28	2122140010	Nguyễn Văn Lan	17/06/2004	CCQ2214A	7.0	5.0	6.0	8.7	9.0	7.6
29	2122140011	Nguyễn Công Lâm	18/01/2004	CCQ2214A	7.0	7.0	7.5	7.7	9.0	7.8
30	2122140004	Văn Công Lâm	16/09/2004	CCQ2214A	7.0	7.0	6.5	9.3	9.0	8.2
31	2122140042	Huỳnh Quang Linh	17/01/2004	CCQ2214B	7.0	6.0	6.5	9.3	8.0	7.7
32	2122140028	Võ Minh Lộc	20/05/2004	CCQ2214A	9.0	5.0	6.5	8.3	9.0	7.9
33	2122140023	Huỳnh Lợi	06/08/2004	CCQ2214A	9	6.5	6	9	10	8.5
34	2122140017	Phan Văn Lưu	19/07/2004	CCQ2214A	7.0	7.5	7.5	8.7	9.0	8.2
35	2122140021	Nguyễn Thành Nam	14/10/2004	CCQ2214A	8.5	7.0	6.5	7.3	9.0	7.8
36	2122140022	Nguyễn Hồng Ngọc	03/11/2003	CCQ2214A	9.0	5.0	7.5	9.7	9.0	8.4
37	2122140036	Hồ Phạm Minh Nhật	21/07/2004	CCQ2214B	6.0	4.0	7.5	9.7	7.0	7.3
38	2122140053	Trần Nhật	13/01/2004	CCQ2214B	8.5	7.0	6.0	5.0	9.0	7.1
39	2122140055	Nguyễn Hoàng Phúc	15/06/2004	CCQ2214B	5.0	5.5	6.5	7.7	9.0	7.2
40	2122140007	Nguyễn Đình Phương	03/07/2003	CCQ2214A	6.0	5.5	7.5	7.7	7.0	6.9
41	2122140041	Phan Văn Phương	03/12/2004	CCQ2214B	5.5	5.0	5.5	6.0	9.0	6.6
42	2122140057	Mai Chiếm Quân	01/07/2004	CCQ2214B	6.5	6.5	6.0	8.0	9.0	7.6
43	2122140040	Trần Văn Quốc	01/02/2002	CCQ2214B	7.0	7.0	6.5	5.0	9.0	6.9
44	2122140027	Nguyễn Bùi Nhật Sang	02/06/2004	CCQ2214A	8.0	5.5	6.5	9.3	7.0	7.5
45	2122140019	Nguyễn Công Tây	21/05/2003	CCQ2214A						0.0
46	2118270227	Nguyễn Thị Như Thảo	01/01/2000	CCQ1827C	9.0	6.5	7.5	9.3	9.0	8.5
47	2122140038	Lê Nhật Thắng	09/07/2003	CCQ2214B	7.5	5.0	7.0	5.7	7.0	6.4
48	2122140048	Trần Đình Thắng	13/02/2004	CCQ2214B						0.0
49	2122140013	Tô Minh Thi	04/02/2004	CCQ2214A	8.0	7.0	6.0	7.3	9.0	7.7
50	2122140024	Nguyễn Hữu Thịnh	17/07/2004	CCQ2214A	8.0	5.0	6.0	9.0	9.0	7.9
51	2122140050	Nguyễn Thành Thơ	03/02/2004	CCQ2214B						0.0
52	2122140043	Trần Minh Tiến	08/12/2004	CCQ2214B	7.0	5.5	6.5	9.3	9.0	7.9
53	2122140014	Hà Trung Tín	13/10/2004	CCQ2214A	8.0	6.5	6.0	6.0	8.0	6.9
54	2122140037	Huỳnh Trọng Tình	06/05/2004	CCQ2214B	7.0	6.5	7.5	8.3	10.0	8.2
55	2122140034	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/12/2003	CCQ2214A	7.0	5.0	7.5	6.3	9.0	7.2
56	2122140003	Huỳnh Văn Trung	12/04/2004	CCQ2214A	7.5	6.0	6.5	7.3	9.0	7.5
57	2122140016	Lê Quốc Trung	17/02/2004	CCQ2214A	8.5	7.0	7.0	9.0	7.0	7.8
58	2122140008	Nguyễn Đình Tuấn	21/12/1997	CCQ2214A						0.0
59	2122140039	Nguyễn Hữu Tỷ	18/05/2004	CCQ2214B	5.5	6.0	6.5	9.7	10.0	8.2
60	2122140006	Đặng Nguyên Huy Viễn	16/12/2003	CCQ2214A	9.0	7.0	7.0	9.3	10.0	8.8
61	2122170346	Bùi Thanh Viên	19/08/2004	CCQ2214B						0.0
62	2122140009	Lê Ngọc Viên	18/01/2004	CCQ2214A	6.0	5.0	6.5	7.0	8.0	6.8
63	2122140030	Ngô Hoàng Vinh	09/10/2000	CCQ2214A	7.5	7.5	5.5	9.7	10.0	8.6
64	2122140035	Trần Hoài Vĩnh	02/03/2004	CCQ2214B	9.0	7.5	6.0	10.0	9.0	8.6

65	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	CCQ2214A	8.0	6.5	5.5	9.3	8.0	7.8	
66	2122140065	Nguyễn Văn	Vỹ	26/04/2004	CCQ2214B	7.0	6.5	7.5	9.3	9.0	8.2	
67												
68												
69												
70												
71												
72												
73												
74												
75												
76												
77												
78												
79												
80												
81												

Tp. Thủ Đức, ngày 10 tháng 10 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Trung Lục